

NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN TRONG HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HOÀNG THU PHƯƠNG
Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Nhận bài ngày 10/02/2026. Sửa chữa xong 03/03/2026. Duyệt đăng 10/03/2026.

Abstract:

In the context of rapid global digital transformation, education and training have been identified as one of the top priority sectors in Vietnam. At the college and university levels, equipping students with digital competence has become essential for ensuring educational quality and meeting the demands of society and the labor market. Particularly in the study of political theory subjects, digital competence not only enables students to access knowledge quickly and effectively but also contributes to the development of critical thinking and the ability to identify and refute misinformation in cyberspace. This article clarifies the concept of digital competence, analyzes the current state of students' digital competence, emphasizes the guiding role of lecturers, and proposes specific groups of solutions to enhance students' digital competence in learning political theory subjects. In doing so, it contributes to fostering a young generation equipped with knowledge, political steadfastness, and social responsibility.

Keywords: Digital competence, digital transformation, lecturers, political theory subjects, students.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang tạo ra những thay đổi căn bản trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có giáo dục đào tạo. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy – học, mà còn hướng tới việc thay đổi mô hình giáo dục, phương pháp giảng dạy và phương thức quản lý.

Bước sang giai đoạn 2025 - 2030, chuyển đổi số tại Việt Nam đã chuyển dịch trọng tâm mạnh mẽ từ phát triển hạ tầng sang phát triển nguồn nhân lực số và kiến tạo công dân số. Đặc biệt, sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI) và Dữ liệu lớn (Big Data) đã đặt giáo dục đại học trước sứ mệnh tiên phong: không chỉ đào tạo kiến thức chuyên môn mà phải trang bị năng lực số toàn diện, giúp người học làm chủ công nghệ và thích ứng linh hoạt với thị trường lao động trong kỷ nguyên số.

Các môn Lý luận chính trị (LLCT) vốn có đặc thù là cung cấp tri thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội cho sinh viên (SV). Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, đặc biệt là thông tin trên không gian mạng, SV rất dễ bị tác động bởi các quan điểm sai trái, xuyên tạc. Chính vì vậy, việc nâng cao năng lực số cho SV khi học tập các môn LLCT không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn có giá trị chính trị – xã hội sâu sắc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm và cấu trúc năng lực số

Năng lực số không chỉ đơn thuần là khả năng sử dụng các thiết bị công nghệ hay phần mềm máy tính. Theo Ủy ban châu Âu (2006), năng lực số là một trong tám năng lực cốt lõi cho học tập suốt đời, được hiểu là khả năng sử dụng thành thạo và có trách nhiệm các công cụ của xã hội thông tin trong học tập, công việc và giao tiếp [5].

Email: phuongls@gmail.com

Theo tác giả Hague và Payton (2010), năng lực công nghệ số hình thành từ 08 nhóm khả năng: khả năng kỹ thuật cơ bản, óc sáng tạo, tư duy phản biện và đánh giá, hiểu biết văn hóa và xã hội; tinh thần hợp tác, khả năng tìm kiếm và chọn lọc thông tin, khả năng giao tiếp hiệu quả, khả năng đảm bảo an toàn thông tin điện tử [3].

Sơ đồ 1: Cấu phần của năng lực công nghệ số



(Nguồn: Hague & Payton, 2010)

Tại Việt Nam, hướng tiếp cận này đã được cụ thể hóa thông qua các khung tiêu chuẩn dành cho người học, tại Hội thảo “Năng lực số cho SV trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học” do Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Hiệp hội các trường Cao đẳng, Đại học Việt Nam tổ chức, nhóm chuyên gia của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn lần đầu tiên đã công bố Khung năng lực số cho SV, được mô hình như sau:

Sơ đồ 2: Khung năng lực số cho SV



(Nguồn: <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/dao-tao/can-trang-bi-nang-luc-so-cho-sinh-vien-truoc-khi-thuc-hien-qua-trinh-chuyen-doi-so-21630.html>)

Nâng cao năng lực số cho người học đồng thời phải giúp người học hiểu và tự biết chăm sóc sức khoẻ thể chất cũng như tinh thần của mình trong quá trình sử dụng các nền tảng này; khuyến cáo người học tránh tiếp xúc quá lâu với các thiết bị số, đảm bảo sự an toàn và quyền riêng tư.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh rằng năng lực số của SV không chỉ dừng lại ở

kỹ năng công nghệ, mà còn gắn với năng lực học thuật, đạo đức nghề nghiệp, ý thức chính trị – xã hội. Điều đó càng trở nên quan trọng khi đặt trong bối cảnh giảng dạy các môn LLCT, nơi năng lực số đóng vai trò là ‘bộ lọc’ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.2. Thực trạng năng lực số của sinh viên hiện nay

Năng lực số của SV hiện nay không chỉ dừng lại ở kỹ năng công nghệ, mà còn gắn liền với năng lực học thuật và ý thức chính trị – xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng trong học tập các môn LLCT, nơi SV cần có “bộ lọc” số để nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái theo tinh thần chỉ đạo về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các khảo sát trong và ngoài nước cho thấy, SV Việt Nam hiện nay có ưu thế về khả năng tiếp cận công nghệ, nhưng lại tồn tại nhiều hạn chế.

- Ưu điểm: Thành thạo các nền tảng mạng xã hội, công cụ tìm kiếm; Có khả năng thích ứng nhanh với công nghệ mới; Hứng thú với các phương pháp học tập trực tuyến.

- Hạn chế: Chưa có kỹ năng phân tích, đánh giá nguồn tin khoa học; Sử dụng công cụ số chủ yếu cho mục đích giải trí, ít phục vụ học tập. Thiếu kỹ năng trích dẫn và tôn trọng bản quyền học liệu. Hạn chế trong bảo mật thông tin cá nhân; Thiếu khả năng phản bác, đấu tranh với thông tin sai trái.

Nguyên nhân: 1) Nhà trường chưa tích hợp đầy đủ nội dung giáo dục năng lực số; 2) Giảng viên (GV) còn hạn chế trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy số; 3) SV thiếu sự định hướng và hỗ trợ hệ thống.

2.3. Vai trò của giảng viên Lý luận chính trị đối với việc phát triển năng lực số cho người học.

Trong bối cảnh hiện nay, các môn LLCT không chỉ đơn thuần truyền đạt tri thức mang tính lý thuyết, mà còn có sứ mệnh hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và bản lĩnh chính trị cho SV. Việc trang bị năng lực số cho người học góp phần quan trọng trong việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn LLCT, cụ thể ở những khía cạnh sau:

2.3.1. Định hướng kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: Hướng dẫn cách khai thác cơ sở dữ liệu khoa học, trang chính thống của Đảng, Nhà nước.

Thông qua các công cụ tìm kiếm, cơ sở dữ liệu trực tuyến và kho học liệu số, SV có thể tiếp cận nhanh chóng, đa dạng và cập nhật nguồn thông tin liên quan đến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như các vấn đề chính trị – xã hội trong và ngoài nước. Điều này góp phần khắc phục tính khô khan, hàn lâm vốn có của môn học, giúp người học gắn kết lý luận với thực tiễn sinh động.

2.3.2. Hướng dẫn kỹ năng phản biện số: Phân tích, minh chứng cách nhận diện thông tin sai trái, xuyên tạc trên mạng xã hội

Trong bối cảnh mạng xã hội lan truyền nhiều luồng thông tin đa chiều, không ít thông tin thiếu kiểm chứng hoặc xuyên tạc, SV dễ bị tác động và hoang mang nếu thiếu năng lực phân tích và đánh giá. Việc được trang bị kỹ năng số sẽ giúp SV biết cách kiểm chứng nguồn tin, phân biệt thông tin chính thống và thông tin sai lệch, từ đó nâng cao khả năng tư duy phản biện – một trong những năng lực cốt lõi trong học tập LLCT.

2.3.3. Đổi mới phương pháp giảng dạy

Ứng dụng LMS, bài tập nhóm trực tuyến, diễn đàn thảo luận, công cụ tạo quiz và khảo sát trực tuyến để SV thực hành kỹ năng số. Các nền tảng học tập trực tuyến, diễn đàn thảo luận, công cụ tạo quiz, khảo sát hay LMS không chỉ hỗ trợ GV đổi mới phương pháp dạy học mà còn thúc đẩy SV tự học, tự nghiên cứu, chủ động trao đổi quan điểm chính trị – xã hội trên môi trường số. Điều này giúp nâng cao kỹ năng hợp tác, giao tiếp, cũng như khả năng diễn đạt, bảo vệ quan điểm cá nhân một cách logic, khoa học và có trách nhiệm.

2.3.4. Năng lực số góp phần lan tỏa giá trị tích cực và bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng

Khi SV có khả năng sử dụng công cụ số một cách sáng tạo, họ có thể tham gia sản xuất và lan tỏa các sản phẩm truyền thông số (video, infographic, bài viết số hóa) nhằm tuyên truyền, phổ biến những giá trị tư tưởng, chính trị đúng đắn. Đồng thời, năng lực số cũng trang bị cho SV bản lĩnh để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

2.3.5. Năng lực số gắn với việc hình thành trách nhiệm công dân số

Ngoài việc tiếp cận và xử lý thông tin, SV LLCT còn cần được giáo dục ý thức tuân thủ các chuẩn mực đạo đức số, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng công cụ số một cách an toàn. Đây chính là nền tảng để xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người học trong kỷ nguyên số.

Tóm lại, năng lực số không chỉ đóng vai trò là phương tiện hỗ trợ học tập, mà còn trở thành một yếu tố cấu thành năng lực chính trị – xã hội toàn diện của SV trong thời kỳ chuyển đổi số. Đối với các môn LLCT, năng lực số góp phần gắn kết lý luận với thực tiễn, nâng cao tư duy phản biện và xây dựng thể hệ SV vừa có tri thức khoa học, vừa có trách nhiệm chính trị – xã hội.

2.4. Giải pháp nâng cao năng lực số cho sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị

2.4.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dạy và người học

Cần thay đổi tư duy của cả người dạy và người học về vai trò của công nghệ.

Đối với nhà trường và các tổ chức đoàn thể: Cần tích cực tuyên truyền để SV thấy rõ lợi ích của việc ứng dụng công nghệ số, giúp họ chuyển từ thụ động sang chủ động xác định động cơ và kế hoạch học tập phù hợp

Đối với SV: Cần xác định tâm thế chủ động, sẵn sàng thích nghi với các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp giữa truyền thống và công nghệ.

Sự sẵn sàng tiếp nhận quá trình ứng dụng công nghệ số sẽ tạo nên tâm thế chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện tại nhà trường. SV thay đổi tư duy, thói quen học tập truyền thống sang học tập kết hợp truyền thống với hiện đại, thích nghi với cách giảng dạy ứng dụng công nghệ số. Nâng cao nhận thức của người học về lợi ích và xu thế tất yếu của việc ứng dụng công nghệ số vào dạy học sẽ góp phần xây dựng thái độ học tập tích cực, chủ động, xác định rõ động cơ và mục tiêu học tập để có kế hoạch học tập phù hợp. Muốn vậy, đội ngũ GV, các khoa, Đoàn thanh niên phải là những chủ thể tích cực tuyên truyền, hướng dẫn SV tham gia vào các hoạt động nâng cao năng lực số và chủ động tiếp nhận việc học tập trên nền tảng số ngày càng phổ biến hơn.

- Đối với đội ngũ GV: Trước hết, mỗi GV phải năng động, chủ động làm chủ công nghệ, chủ động học tập, tìm hiểu và thay đổi từ trong tư duy để bắt kịp tình hình thực tiễn. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ thông tin; khả năng cập nhật, sử dụng, khai thác các tính năng, phần mềm ứng dụng, hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động giảng dạy cho đội ngũ GV; đảm bảo GV phải là nhân tố chủ động nhất cho công cuộc chuyển đổi số.

Từ đó, GV thiết kế hoạt động dạy học trên cơ sở các công nghệ đã được trang bị; Dùng các công cụ, công nghệ để đa dạng hoá hoạt động giảng dạy sao cho phù hợp với thói quen của người học; Khuyến khích và hướng dẫn SV khai thác học liệu trực tuyến phục vụ học tập; Xây dựng các bài kiểm tra, đánh giá phù hợp với năng lực công nghệ của SV.

- Bồi dưỡng năng lực số cho SV đáp ứng yêu cầu học tập trên môi trường số. Sớm được trang bị và nâng cao năng lực số, SV của Nhà trường sẽ áp dụng những trải nghiệm, thói quen, hành vi liên quan đến các công nghệ số từ cuộc sống thường ngày vào quá trình học tập, nghiên cứu cũng như làm việc. Họ sẽ hòa nhập một cách thoải mái vào các hệ sinh thái chuyển đổi số mà Nhà trường hay sau này là các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động cung cấp.

- GV tăng cường ý thức tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đồng thời học tập nâng cao năng lực số để có kiến thức, kỹ năng ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ số vào giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo đại học được phân công.

Trong quá trình đó, GV phải khắc phục khó khăn trong cuộc sống và công việc để học tập, rèn luyện năng lực chuyên môn, phương pháp dạy học hiện đại và ứng dụng công nghệ số để chuyển tải được năng lực chuyên môn, phương pháp dạy học mới đến người học.

- Tận dụng các buổi sinh hoạt chuyên môn để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cùng năng lực số; học hỏi, tích lũy kinh nghiệm từ các đồng nghiệp ở trong và ngoài trường; từ các chuyên gia giảng dạy thông qua nghiên cứu sách vở và trên mạng Internet.

- Có kế hoạch và mạnh dạn nghiên cứu, thử nghiệm các cách thức ứng dụng công nghệ số trong các khâu giảng dạy: số hóa tài liệu, lên lớp, kiểm tra đánh giá người học. Bất cứ khâu nào của quá trình giảng dạy, GV cần mạnh dạn, tích cực đổi mới trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số để nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, nâng cao chất lượng giảng dạy. Trong đó, mạnh dạn đổi mới giảng dạy phải đồng bộ với mạnh dạn đổi mới khâu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trên cơ sở ứng dụng công nghệ số. Thường xuyên rút kinh nghiệm, chỉnh sửa, bổ sung kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số trong giảng dạy trên cơ sở rút ra những bài học từ thực tiễn; lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, SV.

- Có kế hoạch và lộ trình thực hiện ứng dụng công nghệ số trong từng bài, từng học phần được phân công giảng dạy ở các mức độ từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp để ngày càng hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy.

Trong quá trình đó cần phát huy sức mạnh của nhóm chuyên môn, bộ môn. Tăng cường hợp tác với các đồng nghiệp trong nhóm/bộ môn cùng thiết kế, xây dựng các kho dữ liệu số và chia sẻ, lan tỏa những tài liệu hay; lựa chọn sử dụng các ứng dụng công nghệ số hay, thân thiện với người dạy và người học trong quá trình lên lớp; lựa chọn sử dụng các ứng dụng công nghệ số hấp dẫn, kích thích được sự tập trung, tích cực, sáng tạo của người học trong quá trình nghe giảng và ôn tập, làm bài kiểm tra học trình và học phần.

Cần tổ chức các khoá đào tạo kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ thông minh, kỹ năng khai thác và sử dụng dữ liệu trực tuyến hay các phần mềm học tập thiết thực, có ích cho SV giúp SV cảm nhận rõ hiệu quả và lợi ích khi học tập kết hợp so với phương pháp học tập truyền thống trước đây.

SV cần trau dồi khả năng tự học, khả năng khai thác tìm kiếm thông tin, cũng như thành thạo trong kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý kỹ thuật công nghệ, đáp ứng tốt cho việc học tập bằng phương pháp giảng dạy trực tuyến trên nền tảng chuyển đổi số.

Khuyến cáo SV phòng, tránh rủi ro khi thực hiện các hoạt động giáo dục trên môi trường điện tử.

- Phát huy năng lực, kinh nghiệm, sự nhiệt tình của đội ngũ nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin trong hỗ trợ, giúp đỡ, phối hợp với GV trong công tác giảng dạy. Tăng cường đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ, hỗ trợ công tác giảng dạy.

2.4.2. Phát triển năng lực công nghệ và phương pháp sư phạm số của giảng viên

Chủ động tự học: GV cần khắc phục khó khăn, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ CNTT, cập nhật các phần mềm và tính năng mới phục vụ giảng dạy

Mạnh dạn đổi mới: Áp dụng công nghệ vào mọi khâu: từ số hóa tài liệu, giảng dạy trên lớp đến kiểm tra đánh giá

Phát huy trí tuệ tập thể: Tăng cường sinh hoạt chuyên môn, hợp tác giữa các GV trong bộ môn để cùng thiết kế kho dữ liệu số, chia sẻ học liệu và kinh nghiệm sử dụng các ứng dụng hiệu quả

GV là nhân tố trung tâm của quá trình chuyển đổi số trong giảng dạy các môn LLCT.

Chủ động tự học và bồi dưỡng: Mỗi GV cần khắc phục khó khăn, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ công nghệ thông tin và phương pháp dạy học hiện đại. GV phải là tấm gương trong việc khai thác công nghệ chuẩn mực để SV noi theo.

Đổi mới phương pháp giảng dạy: GV cần mạnh dạn thử nghiệm ứng dụng công nghệ số vào mọi khâu: từ soạn bài giảng, lên lớp đến kiểm tra đánh giá. Việc thiết kế bài giảng cần đa dạng hóa, sử dụng các ứng dụng hấp dẫn để kích thích sự tập trung và sáng tạo của người học.

Sinh hoạt chuyên môn và chia sẻ học liệu: Tăng cường hợp tác trong bộ môn để cùng thiết kế kho dữ liệu số, chia sẻ tài liệu hay và kinh nghiệm sử dụng phần mềm giảng dạy hiệu quả.

2.4.3. Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng mở

Đây là giải pháp đột phá để "buộc" SV phải sử dụng năng lực số trong quá trình học tập môn LLCT, tránh sự nhàm chán

Đa dạng hóa hình thức đánh giá: Thay vì chỉ làm bài thi viết hoặc trắc nghiệm truyền thống, GV có

thể yêu cầu SV thực hiện các bài tập lớn dưới dạng sản phẩm số: thiết kế Infographic về các chính sách, làm video/clip ngắn kể chuyện lịch sử, hoặc xây dựng bài thuyết trình đa phương tiện (Podcast, Slide tương tác).

Xây dựng kho học liệu số mở (OER): Nhà trường và bộ môn cần xây dựng hệ thống bài giảng E-learning, thư viện số chuyên biệt cho các môn LLCT. Điều này giúp SV có nguồn chính thống để tra cứu, trích dẫn, giảm thiểu việc tiếp cận thông tin sai lệch từ các nguồn trôi nổi

Mục tiêu là giúp SV chuyển hóa các kỹ năng công nghệ đời thường thành năng lực học thuật và làm việc chuyên nghiệp.

Nhà trường cần tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng khai thác dữ liệu trực tuyến, sử dụng phần mềm học tập và kỹ năng trích dẫn tài liệu khoa học. Trang bị kiến thức giúp SV phòng tránh rủi ro trên không gian mạng, bảo mật thông tin cá nhân và tuân thủ Luật An ninh mạng. Đặc biệt, cần chú trọng bồi dưỡng tư duy phản biện để SV có khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên Internet.

2.4.4. Giáo dục kỹ năng số gắn liền với văn hóa và bản lĩnh chính trị

Trong giáo dục LLCT, việc phát triển năng lực số không thể tách rời khỏi việc giáo dục tư tưởng và đạo đức. Quá trình đào tạo không chỉ dừng lại ở việc dạy SV kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ, mà quan trọng hơn là dạy cách “ứng xử” văn minh và có trách nhiệm trên không gian số. Cụ thể:

Thứ nhất, nâng cao kỹ năng khai thác và xử lý thông tin chính thống: GV cần tổ chức các hoạt động hướng dẫn SV cách tìm kiếm, tra cứu dữ liệu từ các trang thông tin chính thống của Đảng, Nhà nước và các tạp chí khoa học uy tín. Đồng thời, cần rèn luyện cho SV kỹ năng trích dẫn tài liệu khoa học đúng quy chuẩn và hình thành ý thức tôn trọng bản quyền, sở hữu trí tuệ trong học tập và nghiên cứu.

Thứ hai, bồi dưỡng tư duy phản biện và hình thành “bộ lọc” chính trị: Trước “ma trận” thông tin đa chiều hiện nay, tư duy phản biện là năng lực cốt lõi giúp SV giữ vững lập trường chính trị. Nhà trường cần chú trọng trang bị cho SV khả năng nhận diện, phân tích và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng, biến mỗi SV thành một “chiến sĩ” trên mặt trận tư tưởng số.

Thứ ba, giáo dục ý thức an toàn và đạo đức số: SV cần được trang bị kiến thức nền tảng để tự bảo vệ mình trước các rủi ro trực tuyến, biết cách bảo mật thông tin cá nhân và nghiêm túc tuân thủ Luật An ninh mạng cũng như các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Đây là nền tảng để xây dựng hình mẫu “công dân số” có trách nhiệm xã hội và bản lĩnh chính trị vững vàng.

2.4.5. Kiến tạo môi trường học tập và không gian học thuật số

Để việc học tập các môn LLCT trở nên sinh động và cuốn hút, cần phải xóa bỏ rào cản về không gian lớp học thuần túy, thay thế bằng một hệ sinh thái học tập số đa dạng và giàu tính tương tác. Giải pháp này tập trung vào các khía cạnh sau:

Ứng dụng Gamification (Trò chơi hóa) trong học tập: Nhà trường và các bộ môn cần chủ động thiết kế, tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trên các nền tảng số. Việc sử dụng các ứng dụng công nghệ hấp dẫn, kích thích sự tập trung và sáng tạo sẽ giúp SV ôn tập kiến thức một cách tự nhiên, giảm bớt tính khô khan của lý thuyết.

Xây dựng “không gian ảo” cho các câu lạc bộ lý luận: Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong việc thành lập các Câu lạc bộ Lý luận trẻ trên mạng xã hội. Các Fanpage, nhóm thảo luận chuyên môn sẽ là nơi SV chủ động chia sẻ quan điểm, sản xuất và lan tỏa các sản phẩm truyền thông số như video, infographic hay bài viết số hóa để tuyên truyền các giá trị tư tưởng đúng đắn.

Thiết lập diễn đàn tương tác và học thuật mở: Kiến tạo môi trường học tập trực tuyến kết nối giữa SV, GV và các chuyên gia thông qua các diễn đàn, hệ thống quản lý học tập (LMS). Đây là nơi SV thực hành kỹ năng giao tiếp, bảo vệ quan điểm cá nhân một cách khoa học và có trách nhiệm, đồng thời cùng nhau xây dựng kho học liệu số dùng chung.

Kết nối tài nguyên và học liệu số: Tăng cường liên kết thư viện số với các nguồn học liệu mở (OER) chính thống, đảm bảo SV luôn có môi trường tra cứu an toàn, tin cậy. Việc tiếp cận nhanh chóng với

kho tàng tri thức nhân loại trên môi trường số sẽ giúp SV gắn kết lý luận với thực tiễn sinh động của đất nước và thời đại.

Việc xây dựng một sân chơi học thuật trực tuyến lành mạnh không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức mà còn góp phần hình thành văn hóa ứng xử văn minh và trách nhiệm của người học trong kỷ nguyên số.

2.4.6. Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại và đồng bộ là điều kiện tiên quyết, đóng vai trò “bệ đỡ” cho toàn bộ quá trình chuyển đổi số trong dạy và học các môn LLCT. Để đảm bảo quá trình này diễn ra thông suốt, cần tập trung vào các nội dung sau:

Đầu tư và nâng cấp hạ tầng công nghệ: Nhà trường cần ưu tiên nguồn lực để nâng cấp hệ thống mạng Internet tốc độ cao, trang bị phòng máy tính hiện đại và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy thông minh. Đặc biệt, cần hoàn thiện hệ thống quản lý học tập (LMS) để việc lưu trữ bài giảng, tương tác giữa GV và SV không bị gián đoạn.

Xây dựng hệ sinh thái học tập số tập trung: Cần tích hợp thư viện số, các kho học liệu mở (OER) và diễn đàn học thuật vào một nền tảng thống nhất. Điều này giúp SV dễ dàng tiếp cận nguồn tri thức chính thống, đồng thời tạo môi trường học tập mở, đa dạng và giàu tính tương tác.

Phát huy vai trò của đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật: Cần xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin có năng lực, nhiệt tình để hỗ trợ kịp thời cho GV và SV trong việc xử lý các sự cố kỹ thuật. Sự đồng hành của đội ngũ kỹ thuật viên giúp GV yên tâm tập trung vào chuyên môn giảng dạy và đổi mới phương pháp.

Đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin: Trong quá trình hoàn thiện hạ tầng, cần chú trọng các giải pháp bảo mật dữ liệu cá nhân và an ninh mạng. Việc trang bị các phần mềm quản lý học tập an toàn sẽ giúp bảo vệ quyền riêng tư và hạn chế rủi ro cho người học trên môi trường điện tử.

Việc kiện toàn cơ sở vật chất không chỉ đơn thuần là mua sắm thiết bị, mà là kiến tạo một môi trường giáo dục hiện đại, giúp SV sẵn sàng hội nhập và chiếm lĩnh tri thức trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc nâng cao năng lực số cho SV không chỉ dừng lại ở các biện pháp kỹ thuật đơn thuần mà đã trở thành nhiệm vụ chính trị cấp thiết trong giáo dục đại học. Đối với các môn LLCT, năng lực số đóng vai trò then chốt như một “bộ lọc” thông minh, giúp SV không chỉ tiếp cận nhanh chóng kho tàng tri thức nhân loại mà còn có đủ bản lĩnh để sàng lọc thông tin, nhận diện và đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái trên không gian mạng.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần một hệ thống giải pháp đồng bộ và quyết liệt: từ việc đổi mới tư duy của đội ngũ quản lý, GV; cách tân mạnh mẽ phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng mở và sáng tạo; đến việc kiến tạo những hệ sinh thái học tập số hấp dẫn để môn học trở nên gần gũi, sinh động hơn.

Quá trình này đòi hỏi sự vào cuộc trách nhiệm của ba “nhà”: Nhà trường kiến tạo hạ tầng và cơ chế; GV đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng đổi mới; và SV chủ động chiếm lĩnh công nghệ. Khi năng lực số được tích hợp nhuần nhuyễn vào quá trình giảng dạy, chúng ta sẽ đào tạo được thế hệ SV Việt Nam vừa “hồng” về bản lĩnh chính trị, vừa “chuyên” về năng lực số, sẵn sàng hội nhập và đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/09/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Hague, C., & Payton, S. (2010). *Digital literacy across the curriculum.* Futurelab.

[4] Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/06/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.*